

Số: 1772/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 17 tháng 8 năm 2015.

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của thị xã Bình Long.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 128/HĐND-KTNS ngày 11/5/2015 của HĐND tỉnh về việc thỏa thuận danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 439/TT-STNMT ngày 10/8/2015 và của UBND thị xã Bình Long tại Tờ trình số 21/TT-UBND ngày 18/3/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của thị xã Bình Long với những nội dung chủ yếu sau đây:**

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị xã (ha)					
				Phường An Lộc	Phường Phú Thịnh	Phường Phú Đức	Phường Hưng Chiên	Xã Thanh Phú	Xã Thanh Lương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)</b>		<b>12.628,57</b>	<b>975,65</b>	<b>393,61</b>	<b>403,62</b>	<b>2.375,50</b>	<b>3.227,97</b>	<b>5.252,21</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>10.790,63</b>	<b>814,12</b>	<b>310,99</b>	<b>265,09</b>	<b>1.795,83</b>	<b>2.807,18</b>	<b>4.797,42</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	417,99	40,74	35,39	41,50	71,01	80,66	148,69
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>88,96</i>	<i>2,64</i>			<i>5,66</i>	<i>80,66</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	169,82	22,21	30,73	2,37	37,45	73,17	3,89
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10.041,81	744,03	244,58	220,98	1.682,09	2.644,46	4.505,67
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	30,52	7,14	0,29	0,24	5,28	8,89	8,68
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	130,49						130,49
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1.833,89</b>	<b>157,48</b>	<b>82,62</b>	<b>138,53</b>	<b>579,67</b>	<b>420,79</b>	<b>454,79</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	20,47	6,56		2,30			11,61
2.2	Đất an ninh	CAN	3,86	1,20	0,20	0,21	2,25		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị xã (ha)					
				Phường An Lộc	Phường Phú Thịnh	Phường Phú Đức	Phường Hưng Chiến	Xã Thanh Phú	Xã Thanh Lương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	93,31			4,59	88,72		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	10,00				10,00		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	9,88		0,32	0,49	5,04	3,04	0,99
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	320,14	2,19	1,70	14,48	200,03	14,81	86,93
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	752,92	78,63	36,04	72,93	143,78	224,13	197,41
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,39	0,16	0,23				
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,30						0,30
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	169,67					82,70	86,97
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	150,53	54,21	25,76	25,88	44,68		
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,93	1,68	0,73	2,97	4,78	0,51	0,26
2.15	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,42	0,76	0,43	0,29	0,43	1,99	0,52
2.16	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	44,33	2,66	0,74	1,53	6,39	9,58	23,43
2.17	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	17,34	2,14	7,13			2,70	5,37
2.18	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,95		0,33	0,16	1,23	1,03	2,21
2.19	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,04				2,04		
2.20	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,52		0,42	0,10			
2.21	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	157,29	7,04	8,39	12,60	10,16	80,30	38,80
2.22	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	56,36				56,36		
2.24	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,24	0,25	0,20		3,79		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	4,05	4,05					
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN							
5	Đất khu kinh tế*	KKT							
6	Đất đô thị*	KDT	4.148,38	975,65	393,61	403,62	2.375,50		

## 2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị xã (ha)					
				Phường An Lộc	Phường Phú Thịnh	Phường Phú Đức	Phường Hưng Chiến	Xã Thanh Phú	Xã Thanh Lương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH THU HỒI</b>		<b>37,42</b>	<b>3,67</b>	<b>0,30</b>		<b>12,88</b>	<b>3,28</b>	<b>17,29</b>
1	Đất nông nghiệp	NNP	34,17	2,39	0,30		12,78	1,50	17,20
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1,24	0,15			0,14		0,95
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	32,93	2,24	0,30		12,64	1,50	16,25
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,25	1,28			0,10	1,78	0,09
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,91	1,04				1,78	0,09
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,34	0,24			0,10		

## 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị xã (ha)					
				Phường An Lộc	Phường Phú Thịnh	Phường Phú Đức	Phường Hưng Chiến	Xã Thanh Phú	Xã Thanh Lương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	48,30	4,13	2,15	2,32	15,08	3,39	19,15
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	2,39	0,40	0,20	0,22	0,31	0,16	1,10

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị xã (ha)					
				Phường An Lộc	Phường Phú Thịnh	Phường Phú Đức	Phường Hưng Chiên	Xã Thanh Phú	Xã Thanh Lương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	43,83	3,73	1,95	2,10	14,77	3,23	18,05
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		1,04	1,04					
2.1	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,04	1,04					

#### 4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị xã					
				Phường An Lộc	Phường Phú Thịnh	Phường Phú Đức	Phường Hưng Chiên	Xã Thanh Phú	Xã Thanh Lương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất phi nông nghiệp	PNN	6,56	6,56					
1.1	Đất quốc phòng	CQP	6,56	6,56					

**Điều 2.** Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của thị xã Bình Long được phê duyệt, UBND thị xã Bình Long có trách nhiệm:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Ban Quản lý Khu kinh tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Bình Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, P. KTN, KTTH;
- Lưu: VT(HH351).

14



*Trần Ngọc Trai*